

Bản án số: 25/2021/DS-PT
Ngày: 22/11/2021
V/v Tranh chấp chia tài sản
chung và chia di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thắm.

Các Thẩm phán:

Ông Võ Công Phương

Ông Phan Minh Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Duy Phương là thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:
Bà Lữ Thị Xuân Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2021/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp chia tài sản chung, chia di sản thừa kế.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 34/2021/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 23/2021/QĐ-PT ngày 02 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Hàng Văn C, sinh năm 1937 (Vắng mặt).

Cư trú tại: Thôn P, xã T, huyện T, Bình Định.

Đại diện theo ủy quyền của ông Hàng Văn C là ông Hàng Văn S (Văn bản ủy quyền ngày 16/11/2021).

2. *Bị đơn:* Ông Hàng V, sinh năm 1957 (Có mặt).

Cư trú tại: Thôn P, xã T, huyện T, Bình Định.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Hàng Thị T, sinh năm 1961 (Có mặt).

Cư trú tại: Thôn P, xã T, huyện T, Bình Định

- Ông Hàng Văn L, sinh năm 1964 (Có mặt).

Cư trú tại: Thôn P, xã T, huyện T, Bình Định;

- Ông Hàng Văn S, sinh năm 1968 (Có mặt).
Cư trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện T, Bình Định
 - Bà Hàn Thị T1, sinh năm 1972 (Có mặt).
Cư trú tại: Thôn P, xã T, huyện T, Bình Định.
4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Hàng Văn S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo ủy quyền của ông Cư là ông Hàng Văn S trình bày:

Cha ông là ông Hàng Văn C, mẹ là bà Đỗ Thị Đ (chết năm 2002), cha mẹ ông có 06 người con chung là Hàng Văn S, Hàng Thị T, Hàng Văn L, Hàng V, Hàng Thị T1 và Hàng Văn C (chết năm 1998, chưa có vợ con). Ngoài ra, cha mẹ ông không có con riêng hay con nuôi nào khác. Tài sản của cha mẹ ông tạo lập bao gồm: Thửa đất số 136, tờ bản đồ số 30, diện tích đất 647,2m² (trong đó có 200m² đất ở, 447,2m² đất trồng cây hàng năm khác) tọa lạc tại thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 567741 (số vào sổ H03368) ngày 08/10/2009 cấp cho hộ ông Hàng Văn C. Trên đất có 02 ngôi nhà, nhà trước có diện tích 56,1m²; nhà sau có diện tích 52,2m², ngoài ra không còn tài sản nào khác. Năm 2002, mẹ ông qua đời không để lại di chúc, tài sản trên do cha ông quản lý và sử dụng. Nay, cha ông yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế tài sản của ông C và bà Đ theo quy định của pháp luật, phần của ông C được nhận thì ông C giao toàn bộ cho ông được sở hữu sử dụng, không yêu cầu thanh toán giá trị. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Hàng V trình bày:

Ông thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống gia đình. Thửa đất số 136, tờ bản đồ số 30, diện tích đất 647,2m² (trong đó có 200m² đất ở, 447,2m² đất trồng cây hàng năm khác) tọa lạc tại thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định đã được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 567741 (số vào sổ H03368) ngày 08/10/2009 cấp cho hộ ông Hàng Văn C. Trên đất có 02 ngôi nhà, như đại diện theo ủy quyền của ông C đã trình bày, ngoài ra cha mẹ ông không còn tài sản nào khác. Nay ông C yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế tài sản trên ông S không đồng ý và cũng không đồng ý giao cho ai quản lý vì tài sản này của họ Đỗ để lại làm nhà từ đường để cha ông ở và quản lý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hàng Thị T1, ông Hàng Văn L, ông Hàng Văn S, bà Hàn Thị T:

Đều thống nhất như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nếu được chia tài sản chung và chia di sản thừa kế của bà Đ thì bà T1, ông S, ông L, bà T đều thống nhất giao toàn bộ cho ông Sinh sở hữu sử dụng, không yêu cầu ông S thanh toán lại giá trị.

Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2021/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hàng Văn C về việc chia tài sản chung và chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 136, tờ bản đồ số 30 tọa lạc tại thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định.

2. Giao ông Hàng Văn S được quyền sở hữu sử dụng nhà và đất tại thửa đất số 136, tờ bản đồ số 30 có diện tích đất 647,2m² (trong đó có 200m² đất ở tại nông thôn và 447,2m² đất trồng cây hàng năm khác) tọa lạc tại thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí dân sự sơ thẩm, chi phí định giá tài sản và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 12 tháng 9 năm 2021, bị đơn ông Hàng Văn S có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, không đồng ý đối với nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên, không đồng ý chia thừa kế, chỉ dùng để thờ cúng ông bà.

Tại phiên Tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên kháng cáo với nội dung như trên.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị HĐXX không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của ông Hàng Văn S, thấy rằng:

[1.1] Thửa đất số 136, tờ bản đồ số 30, diện tích đất 647,2m² tọa lạc tại thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định đã được UBND huyện T cấp quyền sử dụng đất cho hộ ông Hàng Văn C tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 567741 (số vào sổ H03368) ngày 08/10/2009. Theo công văn số 12/UBND-KT ngày 31/5/2021 của Ủy ban nhân dân xã T xác định thửa đất nói trên được cấp quyền theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ cho hộ ông Hàng Văn C cùng vợ là Đỗ Thị Đ; tại thời điểm giao quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện T ký ngày 12/4/1993 là thửa số 170a, tờ bản đồ số 05, diện tích 630m² (trong đó, đất ở là 200m²; đất vườn là 430m²). Đến năm 2005 thực hiện việc đo đạc, lập bản đồ địa chính và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thửa đất trên là thửa số 136 như đã nói trên. Thời điểm giao quyền sử dụng đất hộ ông C gồm có bốn nhân khẩu là ông Hàng Văn C, bà Đỗ Thị Đ, bà Hàng Thị T1, ông Hàng Văn C (đã mất). Như vậy, thửa đất nói trên là tài sản chung của ông C bà Đ cùng các con là bà T1, ông C. Hiện bà Diễm đã chết nên ông C

khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế là phù hợp với quy định tại Điều 219 và Điều 650 Bộ luật Dân sự.

[1.2] Ông S kháng cáo không đồng ý quyết định bản án sơ thẩm về việc chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung và chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 136, tờ bản đồ số 30 vì cho rằng đất là của dòng họ Đỗ nhưng ông S không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh. Trong khi đó, ông C, bà T1, ông L, ông S, bà T và những người làm chứng là bà Đỗ Thị C, ông Nguyễn C, bà Huỳnh Thị H, đều khai thống nhất nguồn gốc nhà và đất là của hộ ông Hàng Văn C, đối với yêu cầu khởi kiện của ông Hàng Văn C thì tất cả các đương sự và người làm chứng đều thống nhất, không có tranh chấp. Mặt khác, đối với yêu cầu kháng cáo của ông Sinh về việc dùng nhà và đất nói trên làm từ đường để thờ cúng ông bà. Yêu cầu này của ông không được các đồng thừa kế chấp nhận và khi mất bà Đ cũng không lập di chúc về việc để lại một phần di sản dùng vào việc thờ cúng theo Điều 645 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “1. Trường hợp người lập di chúc để lại một phần di sản dùng vào việc thờ cúng thì phần di sản đó không được chia thừa kế và được giao cho người đã chỉ định trong di chúc quản lý để thực hiện việc thờ cúng...”. Như vậy, ông Hàng Văn C khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản của bà Đ để lại là phù hợp quy định tại các Điều 649, 650 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[1.3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không chấp nhận kháng cáo của ông Hàng Văn S, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

[2] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, ông S là người cao tuổi nên được miễn.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn ông Hàng Văn S. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 212, 219, 620, 623, 649, 650, 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Hàng Văn S.
2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2021/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.
3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hàng Văn C về việc chia tài sản chung và chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 136, tờ bản đồ số 30 tọa lạc tại thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định.
4. Giao ông Hàng Văn S được quyền sở hữu sử dụng nhà và đất tại thửa số 136, tờ bản đồ số 30 có diện tích 647,2m² (trong đó có 200m² đất ở tại nông thôn và 447,2m² đất trồng cây hàng năm khác) tọa lạc tại thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định.

5. Về án phí dân sự:

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hàng Văn C không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông Hàng Văn C số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006752 ngày 01/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Ông Hàng Văn S phải chịu 10.590.000 đồng (Mười triệu năm trăm chín mươi ngàn đồng)

5.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hàng Văn S được miễn.

Hoàn trả 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0006942 ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND Huyện T;
- CCTHADS Huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Đỗ Thị Thắm